

Số: 05/2021/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG

ĐẾN Số: 3127

Ngày: 09.1.6.2021

Chuyển: Căn cứ

Số và ký hiệu HS: Luật sửa đổi,

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2021.

Bãi bỏ Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức; Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về ban hành Quy định phân cấp quản lý viên chức; Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý viên chức ban hành kèm theo Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức ban hành kèm theo Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Đài Phát thanh và Truyền hình;
- Báo Tuyên Quang;
- Như Điều 3;
- Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo, VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC. (M.Hà-65)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn



QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Tỉnh ủy và các quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu thực hiện trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, gồm:

a) Cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là cơ quan quản lý nhà nước); Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

c) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện);

d) Hội được giao số lượng người làm việc;

đ) Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh;

e) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (gọi chung là doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh).

2. Cá nhân, gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, khoản 1 Điều này (không bao gồm cán bộ, công chức cấp xã).

b) Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên hội đồng thành viên, Chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị; Giám đốc, Phó Giám đốc doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh (gọi chung là người quản lý doanh nghiệp).

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Đảm bảo sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, đúng quy định của pháp luật và nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Đảm bảo sự quản lý tập trung thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh; tạo sự chủ động của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức gắn với việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra.

3. Tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực ở địa phương.

4. Đảm bảo sự đồng bộ trong công tác quản lý về tổ chức bộ máy, tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc được giao.

5. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc cấp nào quản lý thì cấp đó quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, đình chỉ công tác, luân chuyển, điều động, biệt phái, tiếp nhận, cho thôi việc, nghỉ hưu, thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách khác.

Điều 4. Nội dung phân cấp quản lý

1. Về quản lý tổ chức bộ máy: Thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động; đánh giá, xếp loại đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Về thẩm quyền quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Về quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp: Thẩm quyền tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; quản lý về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu để bầu hoặc bổ nhiệm; đánh giá, xếp loại người quản lý doanh nghiệp.

Điều 5. Danh mục chức danh phân cấp quản lý

1. Chức danh cán bộ, công chức, viên chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy

- a) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước;
 - c) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh;
 - d) Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, thành phố (không phải là bí thư, phó bí thư cấp ủy); Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
 - đ) Chủ tịch hội đồng trường, Hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng thuộc tỉnh; Chủ tịch hội đồng quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch hội đồng quản lý bệnh viện tuyến tỉnh;
 - e) Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Chi cục trưởng, Giám đốc trung tâm thuộc Sở Y tế;
 - g) Chủ tịch hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc;
 - h) Giám đốc, Phó Giám đốc bệnh viện tuyến tỉnh;
 - i) Phó Hiệu trưởng trường đại học thuộc tỉnh;
 - k) Phó Hiệu trưởng trường cao đẳng thuộc tỉnh;
 - l) Chủ tịch hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Chủ tịch hội đồng thành viên các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;
 - m) Giám đốc các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;
 - n) Giám đốc các công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
2. Chức danh cán bộ, công chức, viên chức do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý
- a) Chi cục trưởng và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (trừ các chức danh nêu tại điểm e, khoản 1 Điều này);
 - b) Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh; Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh;
 - c) Phó Giám đốc hoặc tương đương các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; Phó Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh;
 - d) Thành viên hội đồng thành viên, thành viên hội đồng quản trị doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;
 - đ) Phó Giám đốc các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;
 - e) Phó Giám đốc công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
 - g) Phó Chủ tịch hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc.

3. Các chức danh lãnh đạo, quản lý không quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, do người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang khi sửa đổi, bổ sung, thay thế thì danh mục quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Về quản lý tổ chức bộ máy

- a) Quyết định thành lập, kiện toàn các tổ chức phối hợp liên ngành cấp tỉnh;
- b) Quyết định xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ và bộ, ngành quản lý ngành, lĩnh vực.

2. Quản lý vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc

- a) Quyết định phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan quản lý nhà nước; phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- b) Quyết định điều chỉnh biên chế công chức trong cơ quan quản lý nhà nước, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trong tổng số biên chế, số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt.

3. Về tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức

- a) Tổ chức thực hiện tuyển dụng công chức;
- b) Quyết định và tổ chức thực hiện tiếp nhận vào làm công chức cấp huyện, cấp tỉnh các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 18, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
- c) Chỉ đạo việc thực hiện tuyển dụng viên chức theo quy định. Trường hợp xét thấy cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập ban chỉ đạo tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh hoặc quyết định tổ chức thực hiện việc tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý;
- d) Giám sát việc tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã vào làm công chức, viên chức theo quy định.

4. Bỏ nhiệm ngạch, nâng ngạch, chuyển ngạch, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp; thăng hạng chức danh nghề nghiệp; thay đổi chức danh nghề nghiệp; thực hiện chế độ tiền lương và phụ cấp

a) Cử cán bộ, công chức thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương; cử viên chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng I. Tổ chức thi hoặc cử công chức thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng II. Quyết định chỉ tiêu thăng hạng và ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng IV, hạng III; thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở từ hạng III lên hạng II, hạng II lên hạng I.

b) Quyết định bổ nhiệm ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức và xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; phê duyệt phương án, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng I;

c) Quyết định bổ nhiệm ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; chuyển ngạch công chức; thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức; chuyển xếp lương khi thay đổi công việc; nâng bậc lương thường xuyên, nâng mức hưởng các loại phụ cấp; nâng bậc lương trước thời hạn, hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 5 Quy định này (trừ các chức danh quy định tại điểm 1, điểm m, điểm n, khoản 1; điểm d, điểm đ, điểm e, khoản 2, Điều 5 Quy định này);

d) Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và khi có thông báo nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức xếp lương ở ngạch chuyên viên cao cấp và các ngạch, chức danh nghề nghiệp tương đương ngạch chuyên viên cao cấp;

đ) Nâng ngạch, thăng hạng chuyên viên chính và tương đương (đối với cán bộ, công chức, viên chức đã có thông báo nghỉ hưu) đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc

a) Trình xin ý kiến Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo thuộc thẩm quyền Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý;

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc trên cơ sở nghị quyết, kết luận của

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thông báo của Thường trực Tỉnh ủy đối với các chức danh quy định tại khoản 1, Điều 5 Quy định này (trừ các chức danh quy định tại điểm g, điểm i, điểm l, điểm m, điểm n, khoản 1, Điều 5 Quy định này);

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc trên cơ sở thông báo của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các chức danh quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, khoản 2, Điều 5 Quy định này;

d) Giới thiệu nhân sự đề cơ quan có thẩm quyền bầu hoặc bổ nhiệm các chức danh quy định tại điểm g, điểm i, điểm l, điểm m, điểm n, khoản 1 và điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, khoản 2, Điều 5 Quy định này trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thông báo của Thường trực Tỉnh ủy, thông báo của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm các chức danh khác theo quy định của pháp luật.

6. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

a) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 5 Quy định này (trừ các chức danh quy định tại điểm l, điểm m, điểm n, khoản 1 và điểm d, điểm đ, điểm e, khoản 2, Điều 5 Quy định này) đi đào tạo, bồi dưỡng trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thông báo Thường trực Tỉnh ủy, thông báo của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, bồi dưỡng kiến thức lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương, bồi dưỡng kiến thức lãnh đạo, quản lý cấp huyện; cử cán bộ, công chức, viên chức đối tượng 2, đối tượng 1 đi bồi dưỡng kiến thức về quốc phòng và an ninh;

c) Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở nước ngoài theo Quy chế quản lý đoàn đi nước ngoài, đoàn nước ngoài, đoàn quốc tế vào làm việc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo đề xuất của cơ quan quản lý nhà nước về công tác đối ngoại (cơ quan trình phải thống nhất bằng văn bản với Sở Nội vụ trước khi trình);

7. Cho ý kiến về việc điều động, chuyển công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II, chuyên viên cao cấp và tương đương, viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I; cho ý kiến đề cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II.

8. Trình cấp có thẩm quyền nhận xét, đánh giá, xếp loại đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định nhận xét,

đánh giá, xếp loại. Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý trên cơ sở thông báo của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Quyết định các vấn đề khác có liên quan về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc cho ý kiến các nội dung quy định tại Điều 6 Quy định này.

2. Thực hiện các nội dung tại Điều 8 Quy định này.

3. Quyết định phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức được cử đi bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự; bồi dưỡng kiến thức lãnh đạo, quản lý cấp phòng.

4. Thống nhất bằng văn bản với các cơ quan, đơn vị về việc: Nâng ngạch, thăng hạng lên ngạch chuyên viên chính và tương đương đối với cán bộ, công chức, viên chức (khi có thông báo nghỉ hưu) và chuyển chức danh nghề nghiệp đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 13 Quy định này).

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trình cấp có thẩm quyền quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, chi cục thuộc sở, phòng và tương đương thuộc sở, phòng thuộc chi cục thuộc sở và phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các cơ quan quản lý nhà nước; lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý số hiệu, cấp thẻ cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Về quản lý tổ chức bộ máy

a) Xây dựng đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể, tổ chức hoạt động của các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (qua Sở Nội vụ thẩm định);

b) Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của văn phòng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan

phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ, ngành quản lý ngành, lĩnh vực và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước trình cấp có thẩm quyền xếp hạng đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ (hoặc lập hồ sơ xếp hạng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định) theo quy định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp hạng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Về quản lý vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc

a) Xây dựng, điều chỉnh đề án vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị và các tổ chức, đơn vị trực thuộc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (qua Sở Nội vụ thẩm định) theo quy định;

b) Phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực của từng vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc theo danh mục vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Giao biên chế công chức, số lượng người làm việc cho các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đảm bảo đúng quy định.

3. Về tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức

a) Rà soát, đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức, viên chức, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức vào làm công chức, viên chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (qua Sở Nội vụ thẩm định) theo quy định (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư);

b) Tổ chức tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý. Trường hợp cần thiết thì người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Quyết định tuyển dụng đối với công chức khi có quyết định phê duyệt kết quả của cơ quan có thẩm quyền; quyết định công nhận hết thời gian tập sự và bổ nhiệm ngạch đối với công chức đạt yêu cầu sau thời gian tập sự;

d) Giao người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự không đạt yêu cầu theo quy định;

đ) Tổ chức tiếp nhận công chức vào làm công chức; tiếp nhận công chức, viên chức vào làm viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Về bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch, chuyển ngạch, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp; thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp

a) Xây dựng đề án thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng IV, hạng III; đề án thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở từ hạng III lên hạng II, hạng II lên hạng I trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về chỉ tiêu thăng hạng (qua Sở Nội vụ thẩm định). Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo chỉ tiêu được phê duyệt và quy định của pháp luật. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng I;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định) xem xét, quyết định bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch, chuyển ngạch, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp; thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp đối với công chức, viên chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 5 Quy định này (trừ các chức danh quy định tại điểm l, điểm m, điểm n, khoản 1 và điểm d, điểm đ, điểm e, khoản 2, Điều 5 Quy định này)

c) Quyết định bổ nhiệm ngạch công chức (trừ ngạch thanh tra), bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức, xếp lương đối với công chức từ ngạch chuyên viên chính trở xuống và viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II trở xuống sau khi có thông báo kết quả kỳ thi nâng ngạch, kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của cấp có thẩm quyền. Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định sau khi có văn bản thống nhất của Sở Nội vụ; phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý từ hạng II trở xuống; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng II và viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 13 Quy định này); thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; cho ý kiến việc chuyển chức danh nghề nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 13 Quy định này.

d) Đề nghị bằng văn bản gửi Sở Nội vụ để thống nhất trước khi ký quyết định nâng ngạch, thăng hạng lên ngạch chuyên viên chính và tương đương đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý khi có thông báo nghỉ hưu;

đ) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Thanh tra tỉnh thẩm định) bổ nhiệm, miễn nhiệm ngạch thanh tra viên, thanh tra viên chính đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, chuyển công tác, luân chuyển, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc

a) Đề nghị cấp có thẩm quyền quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chuyển công tác, luân chuyển, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước phối hợp với Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp sở, chi cục thuộc sở, phòng và tương đương thuộc sở, phòng thuộc chi cục thuộc sở và phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; lãnh đạo quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

c) Quyết định quy định cụ thể tiêu chuẩn đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý không quy định tại điểm b, khoản 5 Điều này;

d) Phê duyệt quy hoạch, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, chuyển công tác, luân chuyển, biệt phái đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý;

đ) Quyết định điều động, biệt phái, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức giữa các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; tiếp nhận, biệt phái công chức, viên chức (cơ quan, đơn vị không thuộc thẩm quyền quản lý) sau khi có văn bản trao đổi, thống nhất ý kiến với cơ quan, đơn vị biệt phái, tiếp nhận công chức, viên chức. Quyết định tiếp nhận vào làm công chức cấp huyện, cấp tỉnh đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 18, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tiếp nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng làm việc và giải quyết các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý;

g) Cho ý kiến bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, đánh giá đối với các chức danh trưởng phòng và tương đương, phó trưởng phòng và tương đương các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

6. Về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức

a) Đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hằng năm, giai đoạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Quyết định cử công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Về đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, đơn vị, tập thể lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức

a) Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền theo quy định;

b) Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Về quản lý vị trí việc làm, biên chế công chức

a) Xây dựng, điều chỉnh đề án vị trí việc làm của cơ quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (qua Sở Nội vụ thẩm định) theo quy định;

b) Phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Quản lý, sử dụng biên chế công chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đảm bảo đúng quy định.

3. Về tuyển dụng, tiếp nhận công chức

a) Rà soát, đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức vào làm công chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (qua Sở Nội vụ thẩm định) theo quy định. Tổ chức tiếp nhận công chức vào làm công chức theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quyết định tiếp nhận vào làm công chức đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 18, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tiếp nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quyết định tuyển dụng đối với công chức khi có quyết định phê duyệt kết quả của cơ quan có thẩm quyền; quyết định công nhận hết thời gian tập sự và bổ nhiệm ngạch đối với công chức đạt yêu cầu sau thời gian tập sự.

4. Về bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch công chức; thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp

a) Quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương và chế độ phụ cấp đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

b) Đề nghị bằng văn bản gửi Sở Nội vụ để thông nhất trước khi ký quyết định bổ nhiệm ngạch chuyên viên chính và tương đương đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý khi có thông báo nghỉ hưu.

5. Về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, chuyển công tác, luân chuyển, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc

a) Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn; quy định tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định;

b) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc và giải quyết các chế độ, chính sách khác đối với công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Về đào tạo, bồi dưỡng công chức

a) Đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng công chức hằng năm, giai đoạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Quyết định cử công chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với các phòng, đơn vị; tập thể lãnh đạo các phòng, đơn vị; công chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc

1. Về quản lý số lượng người làm việc

a) Giao số lượng người làm việc cho các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Quản lý, sử dụng số lượng người làm việc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đảm bảo đúng quy định.

2. Về quản lý vị trí việc làm

a) Xây dựng đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (qua Sở Nội vụ thẩm định) theo quy định;

b) Phê duyệt bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Về tuyển dụng, tiếp nhận viên chức

a) Rà soát, đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức vào làm viên chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (qua Sở Nội vụ thẩm định) theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển sau khi có kết quả tuyển dụng viên chức; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự không đạt yêu cầu theo quy định;

d) Tổ chức tiếp nhận công chức, viên chức vào làm viên chức theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Về bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp; thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp

a) Xây dựng đề án thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng IV, hạng III trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về chỉ tiêu thăng hạng (qua Sở Nội vụ thẩm định). Tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng IV, hạng III theo chỉ tiêu được phê duyệt và quy định của pháp luật. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng I;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định) xem xét, quyết định chuyển xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và các loại phụ cấp đối với viên chức giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II trở xuống sau khi có thông báo kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của cấp có thẩm quyền. Quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định sau khi có văn bản thống nhất của Sở Nội vụ; phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý từ hạng II trở xuống (trừ đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 13 Quy định này); cho ý kiến việc chuyển chức danh nghề nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 13 Quy định này.

d) Đề nghị bằng văn bản gửi Sở Nội vụ để thống nhất trước khi ký quyết định thăng hạng lên chuyên viên chính và tương đương đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý khi có thông báo nghỉ hưu.

5. Về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phân công công tác, chuyển công tác, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc

a) Đề nghị cấp có thẩm quyền quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phân công công tác, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của đơn vị theo phân cấp quản lý;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ trình cấp có thẩm quyền quy định cụ thể tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập và lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập. Quyết định quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý đối với các phòng thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

c) Phê duyệt quy hoạch, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cách chức, miễn nhiệm, phân công công tác, biệt phái đối với các chức danh lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Quyết định phân công công tác, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức giữa các đơn vị trực thuộc; tiếp nhận, biệt phái viên chức (đơn vị không thuộc thẩm quyền quản lý) sau khi có văn bản trao đổi, thống nhất ý kiến với đơn vị biệt phái, tiếp nhận viên chức;

đ) Thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng làm việc và giải quyết các chế độ, chính sách khác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Cho ý kiến việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, đánh giá đối với các chức danh trưởng phòng và tương đương, phó trưởng phòng và tương đương các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Về đào tạo, bồi dưỡng viên chức

a) Đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức hằng năm, giai đoạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch.

7. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý; viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)

1. Về quản lý số lượng người làm việc: Quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao đảm bảo đúng quy định.

2. Về tuyển dụng, tiếp nhận viên chức

a) Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận viên chức báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp tổng hợp đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự không đạt yêu cầu theo quy định.

3. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng III trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý theo phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, đánh giá đối với các chức danh trưởng phòng và tương đương, phó trưởng phòng và tương đương sau khi có ý kiến bằng văn bản của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý; viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc

a) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có hội đồng quản lý, thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trình hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị;

b) Quyết định phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu đã phê duyệt.

2. Về tuyển dụng, tiếp nhận viên chức

a) Rà soát, đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (qua Sở Nội vụ thẩm định);

b) Tổ chức tuyển dụng viên chức theo kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển sau khi có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng của cơ quan có thẩm quyền; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự không đạt yêu cầu theo quy định.

3. Về bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức; thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp

a) Xây dựng đề án thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng IV, hạng III trình cấp có thẩm quyền quyết định về chỉ tiêu thăng hạng (qua Sở Nội vụ thẩm định) theo quy định; tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức lên hạng IV, hạng III theo chỉ tiêu được phê duyệt và quy định của pháp luật; quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có văn bản thống nhất của Sở Nội vụ;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức hạng II trở xuống sau khi có thông báo kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của cấp có thẩm quyền;

c) Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I; phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng II trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phân công công tác, chuyển công tác, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc

a) Phê duyệt quy hoạch, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cách chức, miễn nhiệm, phân công công tác, biệt phái đối với viên chức quản lý thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý;

b) Xây dựng quy định cụ thể tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo, quản lý của đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Quyết định phân công công tác, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu, cho thôi việc, chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động và giải quyết các chế độ, chính sách khác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

5. Về đào tạo, bồi dưỡng viên chức

a) Đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức hằng năm, giai đoạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch.

6. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý; viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 13: Nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Về quản lý vị trí việc làm, số lượng người làm việc

a) Quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập có hội đồng quản lý thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trình hội đồng quản lý thông qua trước khi quyết định phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị;

b) Quyết định phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu đã phê duyệt.

2. Về tuyển dụng, tiếp nhận viên chức

a) Rà soát, đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp phê duyệt kế hoạch tuyển dụng;

b) Tổ chức tuyển dụng viên chức theo kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển sau khi có kết quả tuyển dụng viên chức; chấm dứt hợp đồng làm việc đối với người tập sự không đạt yêu cầu theo quy định.

3. Về bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức; thực hiện chính sách tiền lương và chế độ phụ cấp

a) Rà soát, đăng ký nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc thẩm quyền quản lý sau khi có ý kiến của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức hạng II trở xuống sau khi có thông báo kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của cấp có thẩm quyền;

c) Báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I; quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức hạng II trở xuống thuộc thẩm quyền quản lý theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phân công công tác, chuyển công tác, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc: Thực hiện theo khoản 4, Điều 12 Quy định này.

5. Về đào tạo, bồi dưỡng viên chức

a) Đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức hằng năm, giai đoạn gửi cơ quan quản lý trực tiếp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định;

b) Quyết định cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch.

6. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý; viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch hội đồng quản trị

1. Xây dựng quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý quy định tại điểm n, khoản 1 và điểm e, khoản 2, Điều 5 Quy định này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phê duyệt quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng làm việc đối với chức danh quy định tại điểm m, điểm n, khoản 1 và điểm đ, điểm e, khoản 2, Điều 5 Quy định này sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của người đứng đầu Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh

Thực hiện các nội dung về quản lý vị trí việc làm; tuyển dụng, tiếp nhận viên chức; bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thực hiện chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp; quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, phân công công tác, chuyển công tác, biệt phái, tiếp nhận, nghỉ hưu, thôi việc; đào tạo, bồi dưỡng; đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, đơn vị, tập thể lãnh đạo, quản lý và viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Điều 12 Quy định này.

**Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Quy định này. Quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện quản lý tổ chức bộ máy, vị trí

việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức trong nội bộ ngành, địa phương, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Chủ tịch hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch hội đồng quản trị doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh: Thực hiện công tác quản lý đối với người quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, quy định phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Giám đốc Sở Nội vụ

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Quy định này; kiến nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị bãi bỏ các văn bản ban hành không đúng thẩm quyền hoặc trái quy định của Nhà nước về quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. / *l*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn
Nguyễn Văn Sơn

